

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HÒA BÌNH 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Hòa Bình 1, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 của UBND xã Hòa Bình 1

Kính gửi: Phòng Nội vụ huyện Tây Hòa.

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 17/01/2023 của UBND huyện Tây Hòa về cải cách hành chính nhà nước huyện Tây Hòa năm 2023.

UBND xã đã xây dựng và ban hành các văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện cụ thể: Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 19/01/2023 về cải cách hành chính nhà nước xã Hòa Bình 1 năm 2023; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 11/01/2023 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023; Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 28/02/2023 về việc khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng của người dân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2023; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 28/02/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước năm 2023; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 28/02/2023 về việc tự kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 02/3/2023 về kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 06/4/2023 về việc đối thoại của lãnh đạo UBND xã với Nhân dân trên địa bàn xã; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 08/6/2023 về tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 và đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 23/6/2023 về thông tin, tuyên truyền công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn xã Hòa Bình 1 năm 2023; Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 29/8/2023 về thực hiện việc khắc phục những hạn chế ảnh hưởng kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 và nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 và những năm tiếp theo; Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 về việc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính tại UBND xã; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 về việc thành lập Ban chỉ đạo cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh xã Hòa Bình 1; Công văn số 80/UBND-VP ngày

26/4/2023 về việc khẩn trương khắc phục hạn chế, yếu kém trong công tác cải cách hành chính; Công văn số 104/UBND-VP ngày 19/5/2023 về việc triển khai công văn số 1744/UBND-NC ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Phú Yên; Công văn số 109/UBND-VP ngày 22/5/2023 về việc thực hiện số hóa hồ sơ và các nội dung liên quan đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Công văn số 110/UBND-VP ngày 22/5/2023 về việc tăng cường công tác cải cách hành chính, nâng cao chỉ số PCI, PAPI tạo môi trường đầu tư thông thoáng, lành mạnh; Công văn số 116/UBND-VP ngày 02/6/2023 về việc áp dụng, nhân rộng một số sáng kiến, giải pháp để góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính; Công văn số 150/UBND-VP ngày 05/7/2023 về việc triển khai thực hiện kết luận số 413-KL/TU ngày 05/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Công văn 116/UBND-VP ngày 02/6/2023 về việc áp dụng, nhân rộng một số sáng kiến, giải pháp để góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính; Công văn số 284/UBND-VP ngày 24/11/2023 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 237/UBND-VP ngày 03/10/2023 về triển khai Kế hoạch tổ chức cuộc thi tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Phú Yên năm 2023; Công văn số 238/UBND-VP ngày 03/10/2023 về triển khai Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 19/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên; Công văn số 271/UBND-VP ngày 09/11/2023 về triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Trưởng Ban chỉ đạo cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tỉnh; Công văn số 276/UBND-VP ngày 10/11/2023 về triển khai thực hiện Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh Phú Yên; Công văn số 284/UBND-VP ngày 24/11/2023 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 285/UBND-VP ngày 24/11/2023 về triển khai đăng tải, giới thiệu phóng sự dự thi về công tác cải cách hành chính huyện Tây Hòa; Công văn số 287/UBND-VP ngày 27/11/2023 về việc áp dụng, nhân rộng một số sáng kiến, giải pháp để góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính; Thông báo số 116/TB-UBND ngày 13/11/2023 về danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã.

Trên cơ sở đó, UBND xã đã chỉ đạo các cán bộ, công chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch đã đề ra.

Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính: Không có. Tuy UBND xã không có đề tài sáng kiến về công tác cải cách hành chính nhưng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính cũng đã áp dụng một số sáng kiến, giải pháp của các xã bạn để góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính của đơn vị như:

- Ứng dụng Google Form và Mã QR để triển khai Phiếu khảo sát trực tuyến sự hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính, qua triển khai: đã hướng dẫn cho 48 công dân thực hiện khảo sát trực tuyến sự hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Hướng dẫn người dân, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến, đồng thời đăng tải video hướng dẫn chi tiết các thao tác nộp hồ sơ trực tuyến trên trang thông tin điện tử của xã, qua triển khai: đã hướng dẫn người dân nộp được 402 hồ sơ mức độ 4.

- Thành lập đội tình nguyện hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến; đến từng hộ dân hướng dẫn mở tài khoản trên cổng dịch vụ công; tài khoản thanh toán trực tuyến; công chức trực tại bộ phận một cửa hỗ trợ, giúp người dân nộp hồ sơ trực tuyến, qua triển khai: đã hướng dẫn 325 người đăng ký tài khoản cá nhân và nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4: 1.221 hồ sơ.

- UBND xã chỉ đạo đến toàn thể cán bộ, công chức gương mẫu thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến, qua triển khai: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại UBND xã đạt 100%.

2. Về công tác chỉ đạo điều hành

UBND xã đã ban hành đầy đủ các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Trên cơ sở đó, UBND xã đã chỉ đạo các cán bộ, công chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch đã đề ra. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện việc niêm yết, công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để công dân thuận tiện tra cứu.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

UBND xã đã xây dựng Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 28/02/2023 của UBND xã về việc tự kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023, trên cơ sở đó thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc tiếp nhận và trả kết quả, giải quyết thủ tục hành chính để kịp thời khắc phục, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót còn tồn tại trong công tác cải cách hành chính tại UBND xã. Trong năm, đã tiến hành kiểm tra 04 lượt về việc thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC. Qua kiểm tra 100% hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả đúng hạn.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Công tác tuyên truyền cải cách hành chính tiếp tục được UBND xã quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện. Đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 14/01/2022 về việc tự tuyên truyền CCHC giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 28/02/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước năm 2023. Tuyên truyền trực quan khẩu hiệu: “Hãy nộp hồ sơ trực tuyến để giảm giấy tờ, thời gian và chi phí” tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Tuyên truyền, vận động công dân nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích. Các hình thức tuyên truyền cải cách hành chính được thực hiện bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh, tại các cuộc họp, hội nghị... nhằm giúp Nhân dân nắm bắt các quy trình tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện, giải quyết công việc của công dân, đồng thời giúp

cán bộ, công chức cơ quan nắm bắt các nội dung công tác cải cách hành chính để tham mưu thực hiện có hiệu quả cải cách hành chính tại địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật

Trong năm, HĐND và UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

1.2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật

UBND xã xây dựng Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 24/3/2023 về thực hiện công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã năm 2023; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 08/8/2023 về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã năm 2023. Đồng thời, đã chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch trực tiếp thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của UBND xã.

1.3. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật

Tổ chức triển khai nghiêm túc, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch đã đề ra.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị theo quy định của cấp trên

Công tác cải cách thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước được UBND xã triển khai thực hiện đúng quy định.

2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính

- Trên cơ sở Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 15/02/2023 của UBND huyện Tây Hòa về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023; UBND xã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 22/02/2023 về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn xã Hòa Bình 1; UBND xã bố trí công chức phụ trách Văn phòng - thống kê có trách nhiệm rà soát, đánh giá TTHC; xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát. Trong năm UBND xã đã tổ chức rà soát, đánh giá 2 lĩnh vực gồm 2 TTHC:

+ Lĩnh vực Hộ tịch: Thủ tục Đăng ký khai sinh.

Nội dung đơn giản hóa: Trường hợp việc đăng ký lại khai sinh được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải nơi đăng ký khai sinh trước đây thì không cần xác minh thông tin hộ tịch nên bỏ khoản 4 Điều 9 của Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và

Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. Lý do: Trong mẫu tờ khai đăng ký khai sinh đã có thông tin đầy đủ. Nên khi người dân có yêu cầu đăng ký lại khai sinh thì chỉ cần mẫu tờ khai đăng ký lại khai sinh và Bản cam đoan thì cấp Giấy khai sinh cho người có yêu cầu nhằm tạo thuận lợi cho người dân giảm đi lại nhiều lần.

+ Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật: *giữ nguyên*.

- Niêm yết, cập nhật đầy đủ các TTHC tại Bộ phận Một cửa và trên trang thông tin điện tử của UBND xã.

- Thực hiện nghiêm túc việc niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại về quy định hành chính của tỉnh và đặt 01 hộp thư góp ý tại bộ phận “Một cửa”. Chỉ đạo các công chức có liên quan tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của các tổ chức và cá nhân đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã: Trong năm, không có cá nhân, tổ chức nào phản ánh, kiến nghị về TTHC.

2.3. Về công khai thủ tục hành chính

Đã thực hiện việc niêm yết công khai các quy trình, quy định về thủ tục hành chính, các loại hồ sơ giấy tờ liên quan, các khoản phí, lệ phí, thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ của tổ chức, công dân thuận tiện trong việc liên hệ công tác. Kịp thời thay đổi những văn bản, quy định về công tác cải cách hành chính của cấp trên khi có sự thay đổi. Niêm yết công khai: 32 danh mục gồm 114 TTHC thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa; 6 danh mục gồm 28 TTHC thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông.

2.4. Về thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”

- UBND xã chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả mở sổ theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, giấy tờ mà tổ chức và công dân đến liên hệ công tác. Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức và công dân, bộ phận một cửa tiếp nhận và viết phiếu hẹn, biên bản giao nhận, trả kết quả cho tổ chức và công dân theo đúng thời gian, không làm cản trở, phiền hà cho tổ chức và nhân dân; UBND xã đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa một, cửa liên thông xã Hòa Bình 1.

- Kết quả giải quyết TTHC: Tổng số 1.652 hồ sơ, trong đó: đã trả trước hạn 1.302 hồ sơ, trả đúng thời hạn 350 hồ sơ. *(có bảng tổng hợp kèm theo)*.

- Phân công cán bộ, công chức làm việc vào sáng thứ Bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh.

- Kết quả khảo sát lấy ý kiến của người dân và tổ chức: Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính SIPAS đạt 99,3%.

- UBND xã bố trí và trang bị trang thiết bị cho Bộ phận “một cửa” theo quy định.

2.5. Việc thực hiện gửi thư chúc mừng, thư chia buồn và thư xin lỗi

- Việc gửi thư chúc mừng và thư chia buồn đến người dân theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện tại Công văn số 973/UBND-NV ngày 01/11/2016. Tổng số: 225 thư, trong đó: thư chúc mừng là 169 thư, thư chia buồn là 56 thư (*có bảng tổng hợp kèm theo*).

- Việc thực hiện thư xin lỗi: không có hồ sơ trễ hẹn nên không thực hiện thư xin lỗi tổ chức và công dân (*có bảng tổng hợp kèm theo*).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan

- UBND xã thực hiện tốt công tác triển khai các quy định của Chính phủ, các Bộ và của Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện về tổ chức bộ máy; đồng thời thực hiện tốt công tác chỉ đạo, quản lý, kiểm tra đội ngũ CBCC, người hoạt động không chuyên trách của đơn vị trong việc chấp hành tốt nội quy, quy chế làm việc; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, giờ giấc làm việc. Nhìn chung CBCC trong cơ quan thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương, giờ giấc làm việc. Trong 6 tháng đầu năm, không có cán bộ, công chức nào vi phạm nội quy, quy chế đã đề ra.

- Cán bộ, công chức của UBND xã được phân công công tác phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo theo quy định, phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng nhu cầu công việc.

- UBND xã thực hiện quản lý biên chế và sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức đảm bảo đúng theo quy định.

- UBND xã đã ban hành quy chế làm việc của ủy ban và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng chức danh, phát huy tốt vai trò tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách (*Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 về ban hành Quy chế làm việc của UBND xã nhiệm kỳ 2021-2026; quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã nhiệm kỳ 2021-2026; Thông báo số 35/TB-UBND ngày 21/6/2023 phân công nhiệm vụ công chức, phụ trách các công tác nhiệm kỳ 2021-2026*). Ngoài ra UBND xã còn chủ động phối hợp với các đoàn thể xây dựng quy chế phối hợp quy định cụ thể trách nhiệm của mỗi bên, đảm bảo phát huy được sức mạnh đoàn kết để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Tổ chức quán triệt, triển khai Quy chế làm việc và quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan đến toàn thể cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã, thôn và người lao động để biết và thực hiện.

3.2. Kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan

UBND xã có kế hoạch tự kiểm tra các bộ phận chuyên môn và tiến hành tổ chức kiểm tra theo kế hoạch đề ra. Qua kiểm tra 100% cán bộ, công chức thực hiện và chấp hành tốt nội quy cơ quan.

3.3. Về việc thực hiện phân cấp quản lý

Tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong lối làm việc của cán bộ, công chức. Từ đầu nhiệm kỳ UBND xã đã ban hành quy chế làm việc của ủy ban và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng chức danh, phát huy tốt vai trò tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách (*Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 về ban hành Quy chế làm việc của UBND xã nhiệm kỳ 2021-2026*). Ngoài ra UBND xã còn chủ động phối hợp với các đoàn thể xây dựng quy chế phối hợp quy định cụ thể trách nhiệm của mỗi bên, đảm bảo phát huy được sức mạnh đoàn kết để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức

Quản lý, sử dụng có hiệu quả biên chế được giao; việc bố trí, phân công, sử dụng cán bộ, công chức đều được dựa trên cơ sở công việc yêu cầu, bố trí đúng chuyên môn và vị trí việc làm.

4.2. Về cán bộ, công chức xã

- Tổng số cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã: 33 người, trong đó: Cán bộ: 11 người; công chức: 11 người; những người hoạt động không chuyên trách xã: 11 người. Trình độ chuyên môn, lý luận chính trị của cán bộ, công chức: Trình độ văn hóa 12/12: 22 người; Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thạc sỹ 02 người, đại học 18 người, trung cấp: 02 người (đã có bằng đại học nhưng không đúng chuyên môn); Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 02 người, trung cấp 12 người, sơ cấp 04 người.

- Cử cán bộ, công chức bồi dưỡng tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ đúng quy định.

4.3. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức

Thực hiện tốt các quy định về quản lý cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã. Kịp thời cập nhập và lưu trữ hồ sơ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã đúng theo quy định.

4.4. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

UBND xã khuyến khích cán bộ, công chức luôn học tập và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ góp phần phục vụ cho công

việc ngày càng tốt hơn. Trong năm, có 22 cán bộ, công chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tạo điều kiện cho 02 công chức tham gia học lớp trung cấp chính trị.

4.5. Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức

UBND xã thực hiện đúng quy định của Nhà nước về việc thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức: sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác. Kịp thời thông báo rộng rãi trên hệ thống đài truyền thanh xã để Nhân dân biết những chủ trương, chính sách của các cơ quan nhà nước về chính sách thu hút, đãi ngộ, trọng dụng người tài làm việc trong các cơ quan nhà nước.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Tình hình triển khai các chính sách cải cách tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

Chế độ tiền lương, chế độ chính sách, các khoản phụ cấp của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách xã, thôn được chi trả hàng tháng đảm bảo đúng theo quy định.

5.2. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

a) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP

Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; đã ban hành Quyết định quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công.

b) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP

Công tác quản lý tài sản công và thực hiện các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị

- UBND xã đã ban hành kịp thời các văn bản để triển khai thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan như: Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 23/3/2023 về hoạt động thông tin đối ngoại năm 2023; Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 6/4/2023 về chuyển đổi số năm 2023; Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 05/6/2023 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số năm 2023;.. Chỉ đạo các cán bộ, công chức tăng cường, nâng cao hiệu quả các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc; tăng cường sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice, hệ thống thư điện tử công vụ, sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong việc ký số văn bản để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng. Qua triển khai: 100% cán bộ, công chức đều

sử dụng thư điện tử để trao đổi công việc; 100% văn bản được ký số và thực hiện gửi nhận dưới dạng thư điện tử.

- Về cơ sở hạ tầng thông tin: 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính và có kết nối internet.

6.2. Về áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Ngay từ đầu năm, UBND xã đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 về ban hành mục tiêu chất lượng năm 2023; đồng thời ban hành Chính sách chất lượng và các kế hoạch triển khai thực hiện việc duy trì, áp dụng, cải tiến hệ thống chất lượng trong năm; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 22/02/2023 về duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã năm 2023; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 11/01/2023 về tiếp tục triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan năm 2023; Đánh giá bộ phận theo kế hoạch đề ra. Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 góp phần tích cực trong giải quyết các công việc chuyên môn. Đặc biệt UBND xã áp dụng quy trình ISO trong công tác giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cũng như việc giải quyết thủ tục hành chính tại các bộ phận. Các thủ tục được cụ thể hóa, công khai, minh bạch, xác định rõ trách nhiệm từng bước nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức trong cơ quan.

6.3. Tình hình triển khai xây dựng trụ sở cơ quan hành chính

UBND xã đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị cho cán bộ, công chức thực hiện tốt công việc cấp trên giao. Đã bố trí nơi làm việc cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo theo quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện CCHC được triển khai thực hiện nghiêm túc. Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, phân công cụ thể các nhiệm vụ thực hiện CCHC cho từng bộ phận, công chức chuyên môn phụ trách. Công tác tự kiểm tra CCHC được thực hiện thường xuyên, kịp thời chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế qua kiểm tra. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện tốt, đúng quy định.

- Công tác tuyên truyền về CCHC được quan tâm chỉ đạo bằng nhiều hình thức, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhất là tuyên truyền vận động người dân nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, 4 và qua dịch vụ Bưu chính công ích.

- Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đều được quy trình theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và đưa vào áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực trong việc tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo kịp thời, khoa học, đúng lộ trình, thời gian theo quy định.

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, không ngừng nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân trong giao dịch thủ tục hành chính; các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã đều được niêm yết công khai, minh bạch Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

Việc tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích chưa phát sinh, lý do: công dân không có nhu cầu.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024

1. Nâng cao vai trò người đứng đầu trong cải cách hành chính. Thường xuyên kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính theo tinh thần Chỉ thị số 23/CT-TU ngày 03/6/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 28/01/2013 của Chủ tịch UBND huyện về tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính.

2. Tổ chức kiểm tra định kỳ công tác CCHC; rà soát, kiểm tra việc thực hiện quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và việc cập nhật hồ sơ trên cổng dịch vụ công của tỉnh.

3. Tổ chức thực hiện khảo sát theo quy định (Quyết định 1165/QĐ-UBND và Quyết định 1435/QĐ-UBND).

4. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức và các tổ chức, cá nhân nhất là việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến và bưu chính công ích.

6. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động kiểm soát TTHC và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức.

7. Tiếp tục rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến người dân và doanh nghiệp, tổ chức công khai, minh bạch và cập nhật thủ tục hành chính kịp thời và đúng quy định.

8. Tiếp tục triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào công tác giải quyết thủ tục hành chính.

Phần II

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA TỈNH VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Trong các hội nghị, họp giao ban hàng tháng UBND xã triển khai và quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách các quy định của tỉnh về cải cách hành chính như: Chỉ thị 23-CT/TU ngày 03/6/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu về cải cách hành chính và nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong các cơ quan nhà nước các cấp. Trong năm, tổ kiểm tra đã tiến hành kiểm tra 12 lượt kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính. Qua kiểm tra, 100% cán bộ, công chức xã đã chấp hành thực hiện nghiêm túc thời gian làm việc, không có cán bộ, công chức vắng mặt không có lý do, không có cán bộ, công chức làm việc riêng trong giờ hành chính.

2. Tiếp tục chỉ đạo cán bộ, công chức, nhất là bộ phận một cửa thực hiện Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về ban hành quy định xử lý vi phạm trong giải quyết hồ sơ TTHC liên quan đến cá nhân, tổ chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; Nhìn chung cán bộ, công chức đều thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, không có tình trạng gây phiền hà, gây khó khăn cho cá nhân khi đến liên hệ giải quyết công việc; giải quyết hồ sơ đúng trình tự, quy trình, thời hạn giải quyết đúng theo quy định. Trong năm không có cán bộ, công chức bị xử lý vi phạm trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức.

3. Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định xin lỗi tổ chức công dân khi giải quyết TTHC sai sót, trễ hẹn theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND, ngày 21/6/2019 của UBND Tỉnh về việc ban hành Quy định xin lỗi tổ chức, cá nhân khi giải quyết thủ tục hành chính sai sót, trễ hạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Kết quả: trong năm không có cán bộ, công chức gây khó khăn, phiền hà hoặc chậm trễ trong giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân.

4. Thường xuyên quán triệt và chỉ đạo cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã thực hiện nghiêm Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về ban hành quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Phú Yên. Nhìn chung, việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách có nhiều chuyển biến thể hiện qua cách ứng xử, thái độ tiếp dân, trang phục, đeo thẻ cán bộ, công chức khi thực thi nhiệm vụ...

5. Tình hình và kết quả thực hiện Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh Phú Yên về ban hành quy định cử công chức, viên chức luân

phiên làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận một cửa các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Trong quý, không có trường hợp công chức được cử đi làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận một cửa huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh Phú Yên.

Phần III

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI)

1. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 về quy định chi tiết một số điều của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở gắn trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân nói chung và cán bộ, công chức nói riêng trong việc tham gia, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Thực hiện việc công khai danh sách hộ nghèo, các chế độ chính sách, cũng như chính sách hỗ trợ đột xuất đối với người nghèo để nhân dân biết, giám sát thực hiện. Thực hiện nghiêm, đúng quy trình, thủ tục và đảm bảo về thời gian xét hộ nghèo để thụ hưởng các chế độ, chính sách đúng quy định. UBND xã đã tổ chức thông báo công khai kết quả rà soát hộ nghèo và hộ cận nghèo bằng các hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc của UBND xã và tại nhà văn hóa 5 thôn.

3. Các khoản thu - chi ngân sách xã; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất; các khoản thu phí lệ phí, các khoản đóng góp của nhân dân... đều được phổ biến công khai, niêm yết tại trụ sở UBND xã và Nhà văn hóa 05 thôn đồng thời thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã để nhân dân biết, giám sát. Công tác phòng chống tham nhũng được UBND xã tổ chức cho các cán bộ, công chức thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm thực hiện kê khai tài sản và được công khai niêm yết tại trụ sở UBND xã (*niêm yết danh sách và bản kê khai thu nhập cá nhân của cán bộ, công chức thuộc diện kê khai*).

4. Thực hiện tốt việc tiếp công dân theo quy định để kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. UBND xã đã bố trí phòng tiếp công dân và có lịch tiếp công dân thường xuyên và định kỳ.

5. Tổ chức tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp HĐND xã ở 05 nhà văn hoá thôn. Qua buổi tiếp xúc cử tri đã tiếp nhận các ý kiến phản ánh của người dân để có hướng chỉ đạo, điều hành tốt hơn và đồng thời nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của người dân để giải quyết phù hợp.

6. Tổ chức đối thoại với người dân nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc, kiến nghị của Nhân dân, đồng thời tuyên truyền, phổ biến đến Nhân dân các chủ trương, Nghị quyết của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước, tạo sự đồng thuận trong

Nhân dân trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội của xã; củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với sự chỉ đạo, điều hành của UBND xã. Kết quả: Đã tổ chức đối thoại.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- UBMTTQVN xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các CB, CC liên quan;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lương Tấn Ngãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HÒA BÌNH 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2023

Phụ lục 01

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết							Ghi chú
		Tổng số	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết			
				Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
1	Lĩnh vực Hộ tịch	693	693	0	0	693	490	203	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực chứng thực	672	508	0	164	672	528	144	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực đất đai cấp huyện	81	0	4	77	81	79	2	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực đất đai cấp tỉnh	16	0	0	16	16	16	0	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội cấp xã	161	0	0	161	161	161	0	0	0	0	0	
6	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội cấp huyện	20	20	0	0	20	19	1	0	0	0	0	
7	Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở	9	0	0	9	9	9	0	0	0	0	0	
Tổng cộng		1.652	1.221	4	427	1.652	1.302	350	0	0	0	0	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HÒA BÌNH 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thống kê kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023 tại UBND xã Hòa Bình 1

Phụ lục 02

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I.	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC			
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	21	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	45	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	45	
3.	Kiểm tra CCHC			
	Số phòng, ban, đơn vị; xã, phường, thị trấn đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4	Thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh/ huyện giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	12	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	12	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	200	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
II.	CẢI CÁCH THỂ CHẾ			
1.	Tổng số VBQPPL¹ do cơ quan, đơn vị tham mưu HĐND, UBND tỉnh, huyện, thị xã, thành phố ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1.	Số VBQPPL đã được kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL		0	
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
2.	Kết quả giải quyết TTHC			
2.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
2.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
2.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1.652	
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1.652	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ việc hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại cơ quan, đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	22/23	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	22/23	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính (HĐ68)	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	4,35	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
V.	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ			
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công được giao	%	176,76	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	1,102	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	1,948	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (nếu có) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
VII.	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ			
1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến (các huyện, thị xã, thành phố) <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND huyện đến - 100% UBND các xã, thị trấn.</i>	Chưa có = 0 Đã có = 1	1	
2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
3	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
3.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
3.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	81	
3.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	81	
3.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	14	
3.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
3.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	48	
3.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	48	
3.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	03	
3.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
3.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	129	
3.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	129	
3.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	100	
3.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	1.652	
3.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	1.221	
3.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	4	
3.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	4	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HÒA BÌNH 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THÔNG KÊ

**Kết quả thực hiện thư xin lỗi tổ chức, cá nhân khi
giải quyết thủ tục hành chính sai sót, trễ hẹn năm 2023**

Phụ lục 03

STT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ đang thụ lý, giải quyết trong kỳ	Số hồ sơ phải xin lỗi		Số thư xin lỗi đã phát hành		Ghi chú
			Do sai sót	Trễ hẹn	Xin lỗi tổ chức	Xin lỗi cá nhân	
1	Lĩnh vực Hộ tịch	693	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực Chứng thực	672	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Đất đai cấp huyện	81	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Đất đai cấp tỉnh	16	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội cấp xã	161	0	0	0	0	
6	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội cấp huyện	20	0	0	0	0	
7	Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở	9	0	0	0	0	
Tổng cộng		1.652	0	0	0	0	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HÒA BÌNH 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỐNG KÊ
Kết quả thực hiện thư chúc mừng, thư chia buồn
khí giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân năm 2023

Phụ lục 04

STT	Thư chúc mừng							Thư chia buồn						
	Kết hôn		Sinh con		Xây nhà mới		Khác	Người thân qua đời		Hỏa hoạn		Thiên tai		Khác
	Số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết	Số thư đã phát hành	Số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết	Số thư đã phát hành	Số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết	Số thư đã phát hành	Số thư đã phát hành	Số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết	Số thư đã phát hành	Số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết	Số thư đã phát hành	Số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết	Số thư đã phát hành	Số thư đã phát hành
01	60	49	150	120	0	0	0	75	56	0	0	0	0	0

*** Ghi chú:**

+ **Thư chúc mừng:** số thư đã phát hành ít hơn số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết, lý do: có một số hồ sơ đăng ký lại và trễ hạn nên không thực hiện Thư chúc mừng.

+ **Thư chia buồn:** số thư đã phát hành ít hơn số hồ sơ TTHC liên quan đã giải quyết, lý do: người dân đến đăng ký trễ hạn nên không thực hiện Thư chia buồn.